

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh N Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Quế và ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số A, tổ B, ấp T, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp H, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ông có tham gia các dây hui do bà Trần Thị N làm chủ như sau:

- Dây hui 500.000 đồng/15 ngày: Tổng số 14 hui viên, ông tham gia 02 phần hui. khởi khai ngày 15/04/2020 AL. Kết thúc ngày 05/04/2022 AL. Ông đã góp hui tổng cộng 28 lần. Kỳ thứ 29, thì bà N tuyên bố vỡ hui và bỏ đi khỏi địa phương. Số tiền hui bà N nợ là 500.000 đồng/kỳ x 02 = 1.000.000 đồng x 28 kỳ = 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

- Dây hụi 1.000.000đồng/tháng: Tổng số 56 hụi viên. Khởi khui ngày 10/9/2020. Ông tham gia 07 chân hụi. Châu được 08 lần x 1.000.000 đồng x 7 = 56.000.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng: Có 22 thành viên. Khởi khui ngày 19/9/2020, tôi tham gia 02 chân hụi. Châu được 08 lần x 2.000.000 đồng x 2 = 32.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng: Có 27 thành viên. Tôi tham gia 02 chân hụi. Tôi đã châu hụi 14 lần, tổng số tiền 14 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 2 = 28.000.000 đồng.

Như vậy số tiền bà N nợ là: 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn). Bà N chỉ trả cho tôi số tiền 11.000.000 đ, còn lại là 133.000.000 đồng bà N đến nay vẫn chưa trả cho tôi mà cứ hẹn lần lữa mãi cho đến nay.

Ngoài ra tôi còn cho bà Trần Thị N vay 3 lần cụ thể:

- Tháng 6/2021 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Bà N đóng lãi được 01 kì là 1.800.000 đồng.

- Tháng 7/2021, bà N vay 15.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Bà N đóng lãi được 2.700.000 đồng.

- Tháng 8/2021, bà N vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng.

Tổng cộng bà N vay số tiền là 55.000.000 đồng từ tháng 8/2021 đến nay bà N không đóng lãi cũng không trả vốn. Bà N có làm biên nhận nợ cho ông và có thừa nhận nợ tại ban ấp Tân Hậu A 2.

Nay ông yêu cầu bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho tôi số tiền hụi 133.000.000 đồng và tiền vay 55.000.000 đồng không yêu cầu đóng lãi. Tổng cộng là 188.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đơn khởi kiện ông H chỉ yêu cầu bà N trả cho ông tiền vốn của nợ hụi và nợ vay là 164.720.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trần Thị N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 471, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H số tiền 164.720.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) và bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Ông Phạm Văn H khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị N có nơi cư trú tại ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị N đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

Về nội dung:

[1] Về số nợ: Phía nguyên đơn khai, từ năm 2020 cho đến năm 2021 phía ông Phạm Văn H có vào nhiều dây hui do bà Trần Thị N làm chủ. Tổng số tiền hui bà N nợ ông là 133.000.000 đồng. Ngoài ra bà N còn hỏi vay tiền của ông 03 lần cụ thể như sau: Vào tháng 6/2021 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà N đóng lãi được 01 kì là 1.800.000 đồng; tháng 7/2021, bà N vay 15.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà N đóng lãi được 2.700.000 đồng; tháng 8/2021, bà N vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng thì bà N ngưng hui và ngưng trả tiền lãi cho ông. Tổng cộng số tiền bà N nợ là 144.000.000 đồng tiền hui và 55.000.000 đồng tiền vay. Cộng chung là 199.000.000 đồng. Bà N chỉ trả cho ông được 11.000.000 đ, còn lại là 188.000.000 đồng. Bà N có làm giấy nhận nợ với ông. Tòa án đã mời bà N nhiều lần nhưng bà N đều vắng mặt. Nhưng tại biên bản hòa giải ở ấp Tân Hậu A 2, bà N thừa nhận có nợ tiền của ông H như nội dung ông H trình bày và bà xin hẹn mỗi vụ lúa (03 tháng) trả cho ông H là 2.000.000 đồng, ông H không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông H khai số tiền nợ hui theo biên nhận bà N nợ ông là 133.000.000 đồng, trong đó tiền vốn chỉ có 109.720.000 đồng và nợ vay 55.000.000 đồng. Tổng cộng là 164.720.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà N trả cho ông tổng số tiền nợ hui và nợ vay là 164.720.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng), ông không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, về nợ hui thì bà N là chủ hui, ông H là hui viên, ông H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ châu hui của mình. Do phía bà N bẻ hui do mất khả năng thanh toán nên bà N phải có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền hui là 133.000.000 đồng; về nợ vay, do bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên ông H kiện đòi là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H số tiền nợ hui là 109.720.000 đồng (*một trăm lẻ chín triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*) và nợ vay là 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*). Tổng cộng là 164.720.000 đồng (*một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*), theo quy định tại Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 là phù hợp với quy định của Pháp luật và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét, chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về lãi suất: Tại phiên toà, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N trả số tiền là 164.720.000 đồng (*một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*), ông không có yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét về lãi suất.

[3] Về án phí, bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Phạm Văn H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Phạm Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 471, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 228, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn H số tiền 164.720.000 đồng (*một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.236.000 đồng (*tám triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*).

Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn H số tiền 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007735 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan